

LỜI MỞ ĐẦU

Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng đa dạng và phong phú, vấn đề mà các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu trong kinh doanh chính là việc làm thế nào để thu về lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Trong bối cảnh hội nhập như hiện nay, phát triển kinh tế bền vững là một trong những vấn đề quan trọng góp phần nâng cao vị thế đất nước ta trên trường quốc tế. Mỗi doanh nghiệp là một tế bào góp phần vào sự phát triển của tổng thể nền kinh tế. Nước ta vừa gia nhập tổ chức thương mại quốc tế WTO với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Điều này là một thuận lợi rất lớn nhưng cũng là một khó khăn thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Khi nền kinh tế phát triển nhanh cả về quy mô lẫn tốc độ thì vấn đề được đặt ra cho các nhà quản lý của các doanh nghiệp là cần phải năng động sáng tạo hơn, biết cách sử dụng vốn một cách hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh được thị trường. Điều này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể tồn tại, phát triển và đứng vững trong nền kinh tế thị trường nhiều biến động. Để đạt được những mục tiêu này đòi hỏi các doanh nghiệp phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu từ tổ chức quản lý đến sản xuất kinh doanh và tiêu thụ, đồng thời phải luôn quan tâm đến mọi hoạt động kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, chú trọng đến chi phí bỏ ra, doanh số thu được và kết quả sản xuất kinh doanh.

Kế toán tài chính là công cụ quản lý hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý của nhà nước nói chung, của doanh nghiệp nói riêng. Kế toán giúp cho nhà quản lý có cái nhìn khái quát nhất về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Việc nghiên cứu kế toán, hoạch toán doanh thu, tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong từng thời kỳ của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Nó giúp cho nhà quản lý có thể nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp để từ đó có thể điều chỉnh kế hoạch phát triển sao cho phù hợp.

Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ATP là một doanh nghiệp đang trên đà phát triển. Tuy nhiên là một doanh nghiệp mới thành lập nên còn rất nhiều khó khăn và thách thức, đòi hỏi các nhà quản lý cần phải có một chiến lược phù hợp để phát triển doanh nghiệp.

Khóa luận gồm có 3 phần chính sau:

Chương I : Lý luận về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Chương II : Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ATP

Chương III : Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và xây dựng ATP

Chương I

LÝ LUẬN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1 Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

1.1.1.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà Doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. Phân loại doanh thu

❖ Phân chia theo hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa nội địa

- Doanh thu hàng xuất khẩu : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu về từ xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa ra thị trường nước ngoài hay dựa vào các khu chế xuất, khu công nghiệp cho các dự án đầu tư nước ngoài.
- Doanh thu hàng nội địa : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc kinh doanh hàng hóa dịch vụ ở thị trường trong nước.

❖ Phân chia theo hình thái giá trị

- Doanh thu ngoại tệ : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán dưới hình thái giá trị quy đổi ra ngoại tệ.
- Doanh thu nội tệ : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán dưới hình thái giá trị quy đổi ra tiền Việt Nam đồng.

❖ Phân chia theo mặt hàng kinh doanh

Đây là hình thức phân loại chủ yếu mà các doanh nghiệp sử dụng để phân loại doanh thu của mình.

- Doanh thu bán hàng hóa : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc bán các sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp mình sản xuất hay mua về kinh doanh trong kỳ.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ : là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc cung cấp dịch vụ.

❖ ***Phân chia theo kênh bán hàng:***

Giúp doanh nghiệp thấy được nơi bán hàng nào đem lại nhiều doanh thu cho đơn vị nhất để từ đó có các biện pháp tăng doanh thu hơn nữa ở khu vực này đồng thời rút kinh nghiệm tăng doanh thu cho các khu vực khác.

b. Nội dung

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Doanh thu bao gồm tổng giá trị của những lợi ích kinh tế của doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu hoặc các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không làm tăng doanh thu. Đối với các doanh nghiệp, doanh thu bao gồm nhiều loại khác nhau, phát sinh từ các hoạt động khác nhau (Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu từ hoạt động tài chính, thu nhập khác). Trong đó doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là doanh thu chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu của doanh nghiệp. Khoản thu này phát sinh từ các giao dịch thuộc hoạt động bán hàng và hoạt động cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Đó chính là doanh thu thuần về tiêu thụ và được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại. Giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại.

c. Thời điểm ghi nhận doanh thu

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền hay chấp nhận nợ về lượng vật tư hàng hóa, dịch vụ đã được người bán chuyển giao. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ, chuẩn mực cũng quy định doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định 1 cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.2 Chi phí bán hàng

Khái niệm : Chi phí bán hàng là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ.

Nội dung : Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí nhân viên : là các khoản chi cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hoá... bao gồm tiền lương, tiền công, tiền ăn giữa ca và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn ,....

- Chi phí vật liệu bao bì: là các chi phí vật liệu bao bì xuất dùng cho việc bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hoá, chi phí vật liệu nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác vận chuyển sản phẩm hàng, hoá trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa bảo quản TSCĐ ... của doanh nghiệp.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng : là các chi phí về công cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc....
- Chi phí khấu hao TSCĐ : là các chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng như : nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển...
- Chi phí bảo hành : là chi phí dự phòng về bảo hành sản phẩm hàng hoá được bán trong kỳ.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài như chi phí quảng cáo, tiếp thị, giao dịch, hoa hồng, bán hàng, TSCĐ, thuê kho, bến bãi, chi phí hoa hồng, môi giới cho đại lý, cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu...
- Chi phí bằng tiền khác: là chi phí phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, chi phí quảng cáo chào hàng.

1.1.1.3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Khái niệm : là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến tổ chức quản lý chung toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

Nội dung

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí cho nhân viên quản lý: là các khoản phí trả cho ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban doanh nghiệp về tiền lương, phụ cấp và các khoản trích kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

- Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng : là các chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu, công cụ, dụng cụ,...
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp như nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc...
- Thuê và lệ phí : thuê môn bài, thuê nhà đất,... các khoản thuế và lệ phí khác.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, các loại chi phí bằng tiền khác.

1.1.1.4 Chi phí hoạt động tài chính

Khái niệm: Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến các hoạt động về vốn, các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư công cụ tài chính: đầu tư liên doanh, đầu tư liên kết, đầu tư vào công ty con, chi phí nắm giữ, thanh lý, chuyển nhượng các khoản đầu tư, các khoản lỗ trong đầu tư.
- Chi phí liên quan đến hoạt động cho vay vốn.
- Chi phí liên quan đến mua bán ngoại tệ .
- Chi phí lãi vay vốn kinh doanh không được vốn hoá, các khoản chiết khấu thanh toán khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ, dịch vụ.
- Chênh lệch lỗ khi mua bán ngoại tệ, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí.

1.1.1.5 Chi phí khác

Chi phí khác là khoản chi phí của các hoạt động phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Đây là các khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí do ghi nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

1.1.1.6 Kết quả kinh doanh

Khái niệm : Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian xác định, đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh được xác định bằng cách lấy tổng thu từ các hoạt động doanh nghiệp tiến hành trừ đi tổng chi phí liên quan đến các hoạt động đó .

Kết quả kinh doanh thể hiện thông qua chỉ tiêu “lãi” hay “lỗ”, bao gồm 3 bộ phận cấu thành :

- Kết quả tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ : là chỉ tiêu phản ánh chênh lệch giữa một bên là doanh thu thuần về bán sản phẩm hàng hoá cung cấp dịch vụ với một bên là giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết quả hoạt động tài chính: là chỉ tiêu phản ánh chênh lệch giữa 1 bên là doanh thu thuần từ hoạt động tài chính với 1 bên là chi phí tài chính.
- Kết quả khác: là chỉ tiêu phản ánh chênh lệch giữa 1 bên là thu nhập thuần khác với 1 bên là chi phí khác.

Số tiền lãi, lỗ được phân phối như sau:

- Trừ các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp .
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ trong kỳ.
- Trích lập các quỹ : quỹ đầu tư phát triển ,quỹ khen thưởng phúc lợi.
- Chi lãi cho các bên tham gia góp vốn.

1.1.2 Nhiệm vụ kế toán bán hàng, xác định kết quả kinh doanh

Phản ánh và giám sát kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá. Thường xuyên kiểm tra công việc, tình hình hình thực hiện hợp đồng, tính toán, phản ánh chính xác kịp thời doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, phản ánh ghi chép kịp thời các khoản chi phí phát sinh. Từ đó xác định chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc chế độ phân phối kết quả kinh doanh

Lập báo cáo doanh thu, Báo cáo kết quả kinh doanh theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp (kế toán quản trị) và các cấp có liên quan (kế toán tài chính).

Tổ chức phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh, tư vấn cho chủ doanh nghiệp và giám đốc, lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả.

1.2 Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 kế toán doanh thu

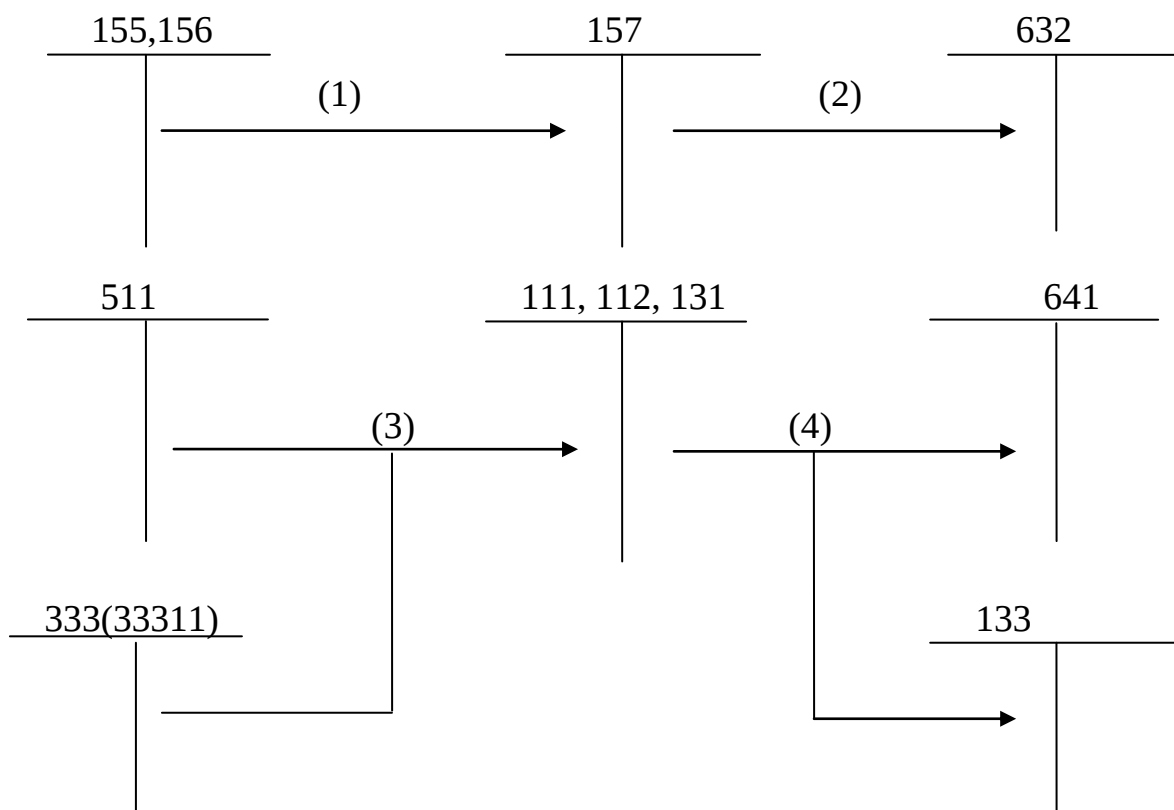
1.2.1.1 kế toán doanh thu bán hàng

1.2.1.1.1 Các phương thức bán hàng

- ❖ Phương thức bán hàng trực tiếp : là phương thức mà trong đó người bán (doanh nghiệp) giao sản phẩm cho người mua (khách hàng) trực tiếp tại kho (hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho) người bán. Số hàng khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ. Người mua thanh toán hay chấp nhận thanh toán số hàng mà người bán đã giao.
- ❖ Phương thức bán hàng chuyển hàng, chờ chấp nhận : là phương thức mà bên bán chuyển hàng (sản phẩm) cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số sản phẩm chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hoặc toàn bộ) thì số hàng được bên mua chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

❖ Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi : là phương thức mà bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên đại lý để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng. Khi bán được hàng, bên đại lý bán đúng giá của chủ hàng sẽ được hưởng một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi thực tế bán được. Khoản hoa hồng được hạch toán vào chi phí bán hàng của bên giao.

Sơ đồ 01: Hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng đại lý



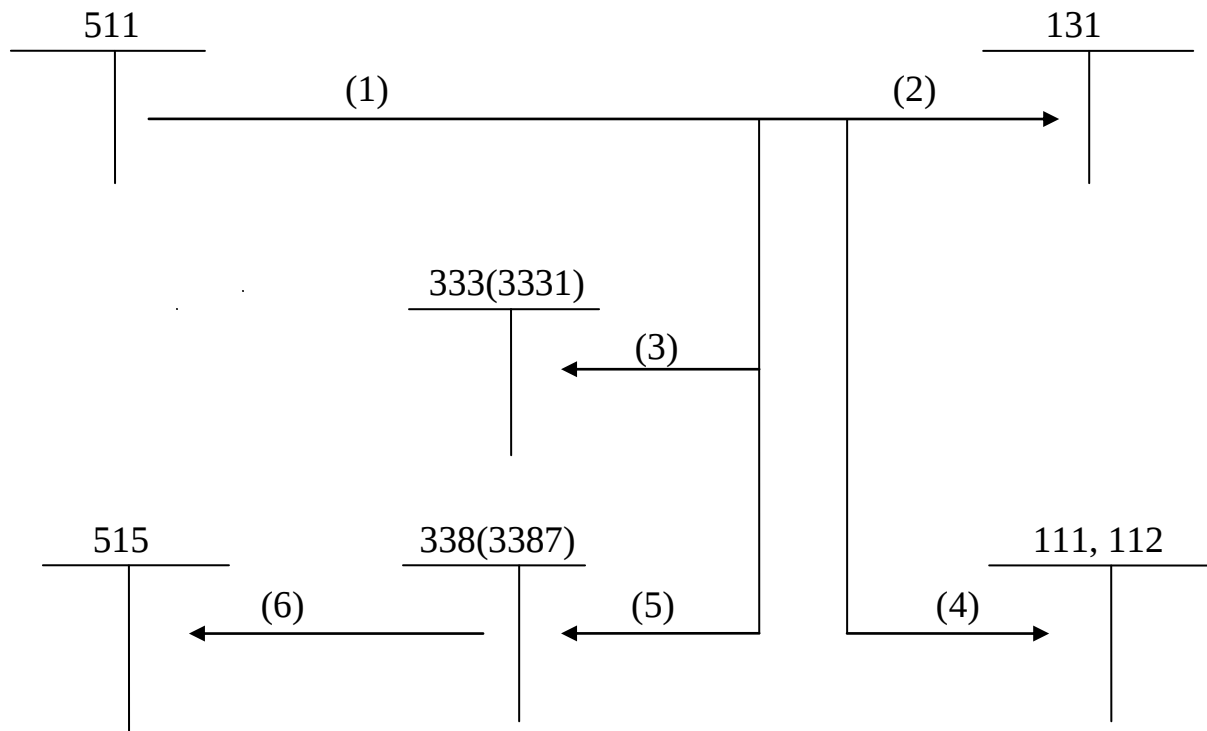
Ghi chú :

- (1) Xuất thành phẩm, hàng hóa giao cho các đại lý bán hộ.
- (2) Khi thành phẩm, hàng hóa giao đại lý đã bán được.
- (3) Doanh thu bán hàng đại lý.
- (4) Hoa hồng phải trả cho người bán.

❖ Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm : là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán một phần ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định theo quy định trong hợp đồng. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một

phần lãi chậm. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thu. Về thực chất, chỉ khi người mua thanh toán hết tiền thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu số hàng đó.

Sơ đồ 02 : Hạch toán doanh thu bán hàng trả góp, trả chậm

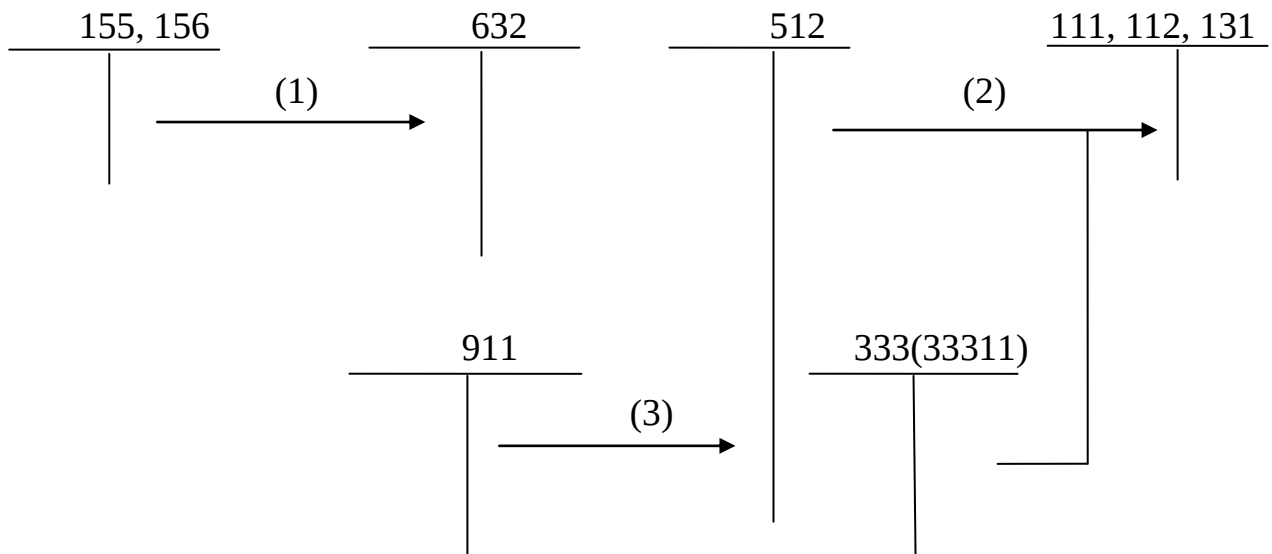


Ghi chú :

- (1) Doanh thu bán hàng (ghi theo giá trả tiền ngay).
- (2) Tổng số tiền còn phải thu của khách hàng.
- (3) Thuế GTGT đầu ra.
- (4) Số tiền đã thu của khách.
- (5) Lãi trả góp hoặc trả chậm phải thu của khách hàng.
- (6) Định kỳ phân bổ tiền lãi phải thu định kỳ.

❖ Tiêu thụ sản phẩm nội bộ : là hình thức bán hàng hóa sản phẩm cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng,... ở các địa phương để bán hoặc xuất, điều chuyển giữa các chi nhánh hoặc các đơn vị phụ thuộc với nhau.

Sơ đồ 03 :Hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ



Ghi chú

- (1) Giá vốn hàng xuất kho bán cho các đơn vị trực thuộc.
- (2) Doanh thu bán hàng nội bộ.
- (3) Kết chuyển doanh thu thuần.

1.2.1.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Hợp đồng kinh tế.
- Biên bản hay thỏa thuận bàn giao số lượng , quy cách hàng hóa.
- Phiếu thu.
- Phiếu chi.
- Bảng sao kê, sổ phụ, giấy báo có của ngân hàng...
- Phiếu xuất kho...

1.2.1.1.3 Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 511 : doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ bán hàng (bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư), từ cung cấp dịch vụ (thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc trong nhiều

kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...)

Tài khoản này gồm 5 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5115 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu của tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như sau

Bên nợ :

- Các khoản giảm doanh thu bán hàng, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định là tiêu thụ trong kỳ.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có :

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư

Tài khoản 512 : doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ .

Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp 2:

- TK 5121 : Doanh thu bán hàng hóa.
- TK 5122 : Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Kết cấu của tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” như sau :

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

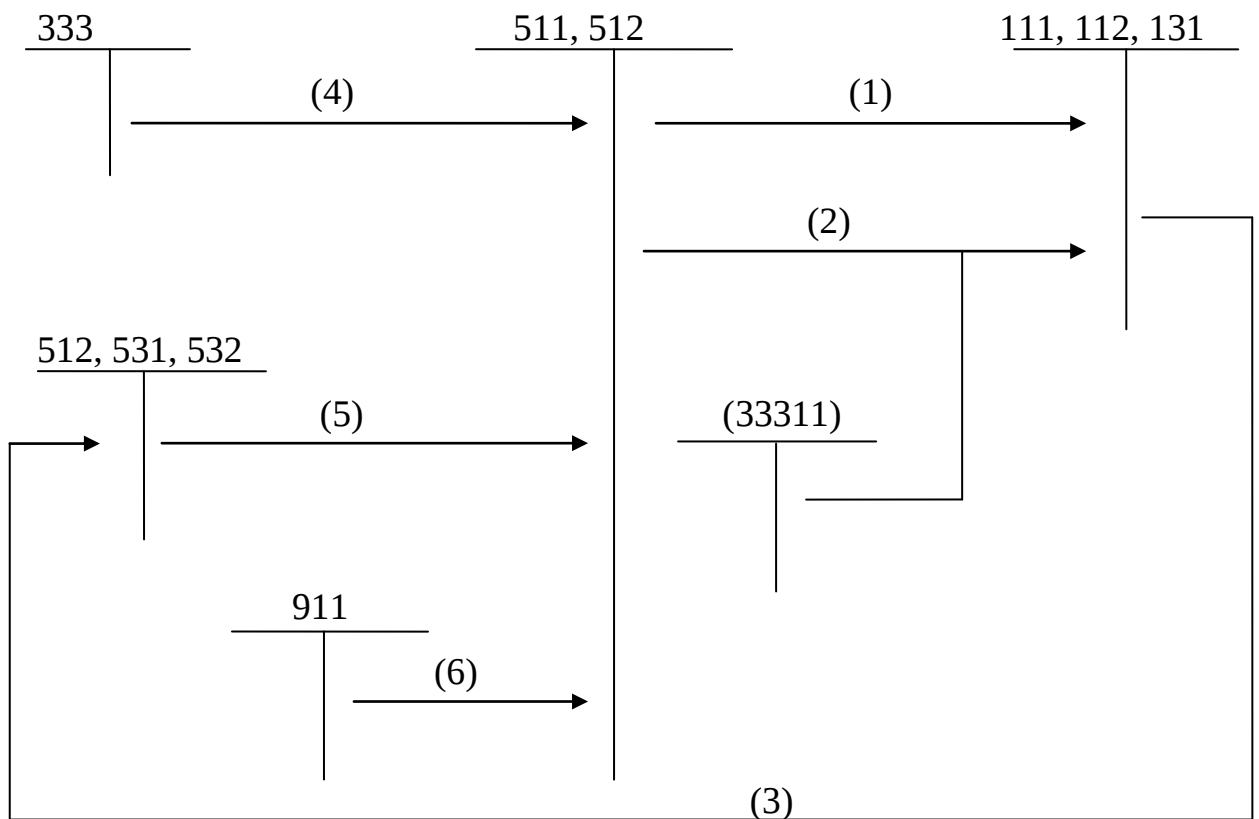
Bên nợ

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

Doanh thu bán hàng nội bộ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 04 :Hạch toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú :

- (1) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- (2) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- (3) Chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ
- (4) Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)
- (5) Kết chuyển chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ
- (6) Kết chuyển doanh thu thuần

1.2.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.1.2.1 Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại:

Phản ánh chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

❖ Kết cấu tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”

Bên nợ :

Chiết khấu thương mại đã thanh toán cho khách hàng.

Bên có :

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại” không có số dư

Kết cấu tài khoản 521

Bên nợ :

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có :

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản “ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán

Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ

1.2.1.2.2 Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân :Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng hóa bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu hàng bán thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hóa đã bán ra trong kỳ báo cáo.

Tài khoản này chỉ phản ánh trị giá của số hàng đã bán bị trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được hạch toán vào tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

Trong kỳ, giá trị của sản phẩm hàng hóa đã bán bị trả lại sẽ được hạch toán vào bên nợ tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”. Cuối kỳ tổng giá trị hàng bán bị trả lại sẽ được kết chuyển vào tài khoản 511 hoặc tài khoản 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo. Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hóa và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

Kết cấu TK 531

Bên nợ

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên có

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”. Hoặc tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ “ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.2.3 Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (Giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Trong kỳ kế toán khoản giảm giá hàng bán phát sinh thực tế được phản ánh vào bên nợ của tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”. Cuối kỳ thực hiện kết chuyển tổng số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng

và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”

Bên nợ

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm :

- Tiền lãi, lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ.

- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán dài hạn, ngắn hạn.
- Thu nhập về thu hồi, thanh lý các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư khác...
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch mua bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Kết cấu tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

Bên nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có :

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” không có số dư

1.2.1.4 Kế toán thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp gồm :

- Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hóa, tài sản số định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ thuê nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xóa sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài khoản nêu trên .

❖ Kết cấu của tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Bên nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có :

Các khoản thu nhập khác phát sinh

Tài khoản 711 “Thu nhập khác” không có số dư

1.2.2 Kế toán giá vốn

1.2.2.1 Nội dung

Khái niệm : Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Với vật tư tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thực tế (Giá gốc) ghi sổ.

Nội dung : Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong các khoản chi phí của doanh nghiệp

Giá vốn hàng bán là giá thành của sản phẩm (Đơn vị sản xuất), là giá mua hàng hóa cộng chi phí thu mua hàng hóa (công ty thương mại).

Nguyên tắc tính giá vốn

Tùy theo tình hình xác định giá xuất kho tại công ty mà kế toán sẽ hạch toán khác nhau. Đối với đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên thì kế toán hạch toán giá xuất kho thường xuyên theo trình tự thời gian, còn nếu áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ thì giá xuất kho được xác định vào cuối kỳ.

1.2.2.2 Phương pháp xác định giá vốn

❖ Xuất kho theo giá thực tế :

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Giá thực tế xuất kho = Số lượng xuất x Đơn giá thực tế bình quân

Bình quân gia quyền liên hoàn :

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Bình quân gia quyền liên hoàn (sau mỗi lần nhập)

$$\text{Đơn giá thực tế Bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

➤ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Pheo phương pháp này, giá trị hàng được nhập trước thì sẽ được xuất trước theo đơn giá thực tế mỗi lần nhập. Như vậy giá trị hàng xuất kho được tính

theo giá của lô hàng nhập ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ.

➤ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này giá trị hàng được nhập sau thì sẽ được xuất trước theo đơn giá thực tế của mỗi lần nhập. Như vậy giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ

➤ **Phương pháp thực tế đích danh**

Phương pháp tính giá theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng mặt hàng nhập vào

❖ **Giá hạch toán**

Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, chủng loại hàng hóa vật liệu đa dạng, phức tạp, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên nên việc xác định đơn giá xuất kho hết sức khó khăn, tốn kém không hiệu quả, nên các đơn vị này sử dụng giá hạch toán để tính giá xuất kho.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị hàng xuất kho} \\ \text{theo giá hạch toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{hạch toán} \end{array}$$

Cuối kỳ kế toán xác định lại giá thực tế xuất kho để điều chỉnh lại đơn giá xuất kho:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{chênh lệch} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán} \\ \text{từng loại} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{chênh lệch} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{hàng nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá hạch toán hàng} \\ \text{tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

1.2.2.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho : dùng để xác định giá trị, hàng hóa, sản phẩm, vật liệu xuất bán và là căn cứ để thủ kho ghi vào thẻ kho, làm chứng từ kế toán ghi vào sổ.
- Thông báo đại lý về hàng ký gửi đã xác định tiêu thụ

1.2.2.4 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán*

Bên nợ

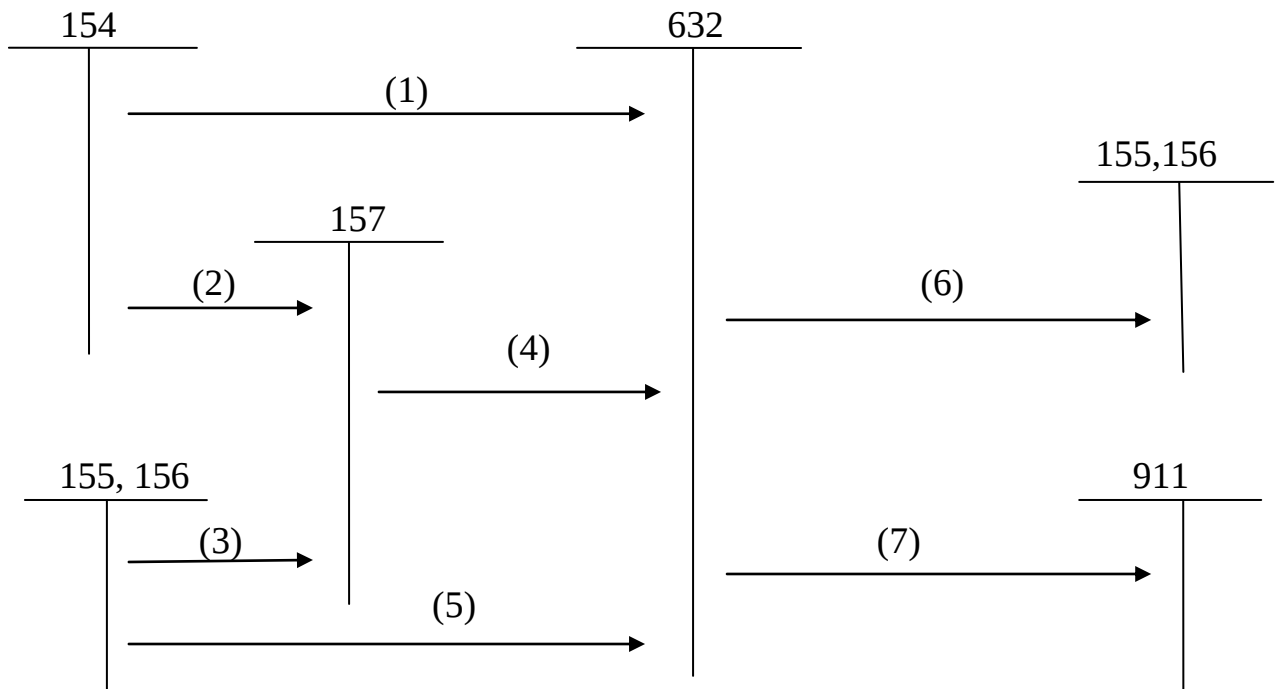
- Tập hợp giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, Bất động sản đầu tư đã cung cấp(đã được coi là tiêu thụ trong kỳ)
- Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ.
- Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ.

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán” không có số dư

Sơ đồ 05 : Hạch toán giá vốn bán hàng



Ghi chú :

- (1) Thành phẩm sản xuất tiêu thụ không qua nhập kho
- (2) Thành phẩm sản xuất gửi bán không qua nhập kho
- (3) Thành phẩm, hàng hóa xuất kho gửi bán
- (4) Khi hàng gửi bán được xác định là tiêu thụ
- (5) Xuất kho thành phẩm, hàng hóa bán
- (6) Thành phẩm, hàng hóa đã bán bị trả lại, nhập kho
- (7) Kết chuyển giá vốn hàng bán trong kỳ

1.2.3 Kế toán chi phí

1.2.3.1 Kế toán chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói...

Tài khoản 641 được mở chi tiết cho từng nội dung chi phí

Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng “ có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 Chi phí nhân viên
- TK 6412 Chi phí vật liệu bao bì
- TK 6413 Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK 6414 Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 Chi phí bảo hàng
- TK 6417 Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu của tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”

Bên nợ

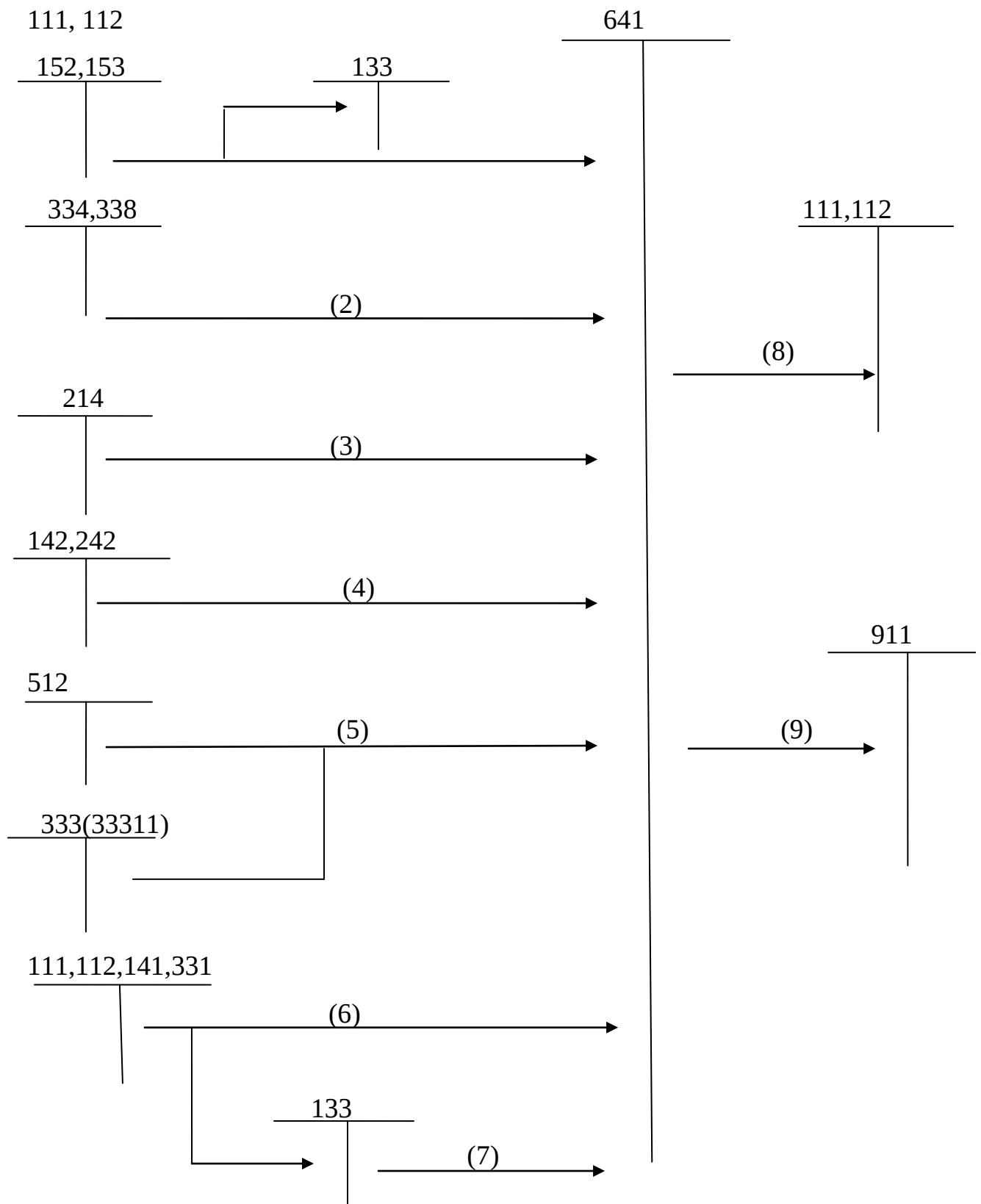
Chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ

Bên có

Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 641 không có số dư

Sơ đồ 06 :Hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú :

- (1) Chi phí vật liệu, công cụ
- (2) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- (3) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (4) Chi phí phân bổ dần chi phí trích trước
- (5) Thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ
- (6) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (7) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu được tính vào chi phí bán hàng
- (8) Các khoản giảm chi phí bán hàng
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng

1.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ, khấu hao TSCĐ, tiền thuê đất, thuế môn bài, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí

Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp” có 8 tài khoản cấp 2

- (1) TK 6421 Chi phí nhân viên quản lý
- (2) TK 6422 Chi phí vật liệu quản lý
- (3) TK 6423 Chi phí đồ dùng văn phòng
- (4) TK 6424 Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) TK 6425 Thuế, phí và lệ phí
- (6) TK 6426 Chi phí dự phòng
- (7) TK 6427 Chi phí dịch vụ mua ngoài
- (8) Tk 6428 Chi phí bằng tiền khác

1.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh còn được gọi là kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ. Kết quả này chính là số lợi nhuận (Lãi hay lỗ) về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư và được tính bằng số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ với trị giá vốn của hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) từ} \\ \text{hoạt động} \\ \text{sản xuất} \\ \text{kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng,} \\ \text{BĐS đầu tư và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{bán hàng} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

❖ **Kết quả hoạt động tài chính**

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính là số lợi nhuận (lãi hay lỗ) từ hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả này được xác định bằng số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính.

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) từ hoạt} \\ \text{động đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{thuần từ hoạt} \\ \text{động tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

❖ **Kết quả hoạt động khác**

Kết quả hoạt động khác được tính bằng số chênh lệch giữa doanh thu khác và chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

$$\begin{array}{l} \text{Lãi (lỗ) từ} \\ \text{Hoạt động} \\ \text{khác} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế} \\ \text{Thu nhập} \\ \text{Doanh nghiệp} \end{array}$$

Bên cạnh các chỉ tiêu trên khi lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp còn phải xác định chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế”. Chỉ tiêu này phản ánh tổng số lợi nhuận kế toán thực hiện trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp trừ khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

Chỉ tiêu “tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ tạo nên chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp”

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Một số quy định khi hạch toán

- Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ chính xác các kết quả kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành
- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán cho tiết cho từng loại hoạt động, từng sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.
- Các khoản doanh thu, thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

➤ Kết cấu của tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, và chi phí khác
- Kết chuyển lãi

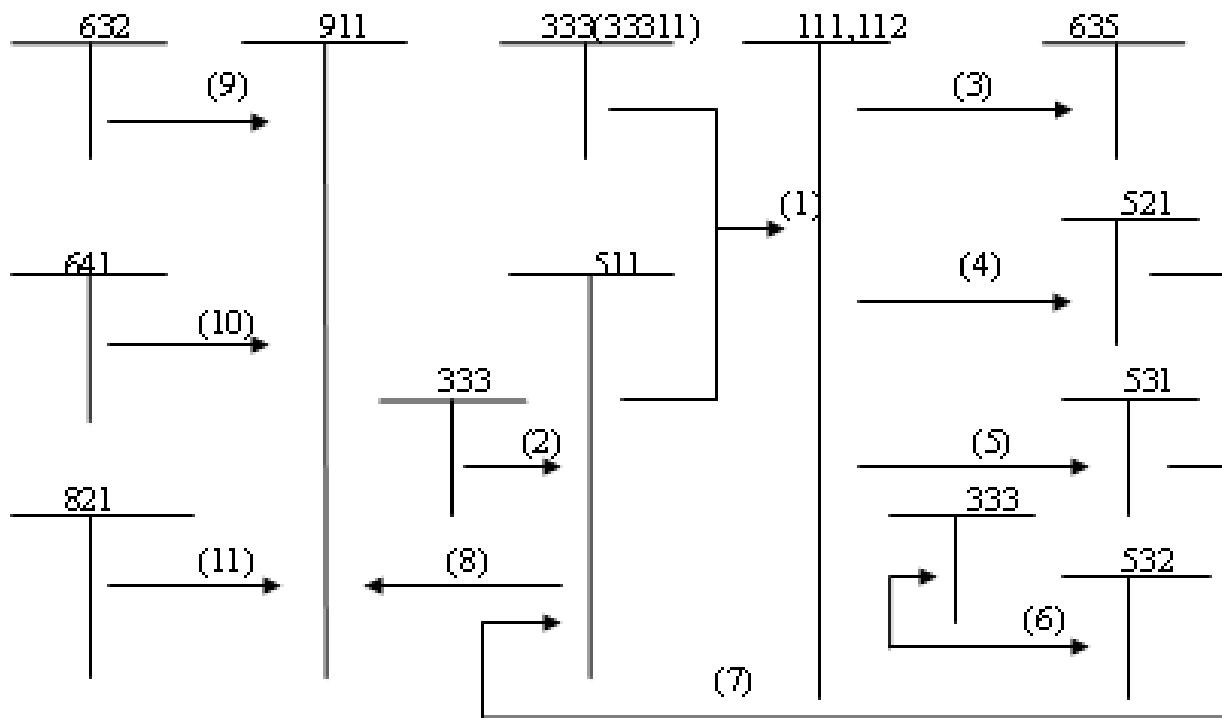
Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh không có số dư”

Sơ đồ 07 : Tổng hợp chi phí, doanh thu



Ghi chú :

- (1) Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát sinh
- (2) Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp NSNN
- (3) Chiết khấu thanh toán
- (4) Chiết khấu thương mại
- (5) Hàng bán bị trả lại
- (6) Giảm giá hàng bán
- (7) Kết chuyển chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ
- (8) Kết chuyển doanh thu thuần
- (9) Kết chuyển giá vốn hàng bán
- (10) Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (11) Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

2.1 Tổng quan về công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Tên giao dịch quốc tế : **ATP investment construction joint stock company**

Tên viết tắt : **ATP INCONCO**

Trụ sở chính: Số 1133 Trần Nhân Tông, Phường Văn Dầu, Quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

Văn phòng đại diện: Lô 17/73 Đình Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thu, Hải Phòng

Điện thoại : 0313 745 666

Fax: 0313 745 666

Vốn điều lệ: 2.900.000.000

Mã số thuế : 0200784880

Giấy phép kinh doanh số : 0203003865 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp

➤ *Ngành nghề kinh doanh*

Theo giấy phép kinh doanh số 0203003865, công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP được tiến hành các hoạt động sau:

- ✓ Trồng cây chắn sóng
- ✓ Xây dựng nhà các loại
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
- ✓ Phá dỡ
- ✓ Chuẩn bị mặt bằng : san lấp mặt bằng
- ✓ Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông thủy lợi , cơ sở hạ tầng
- ✓ Bán buôn sắt thép

- ✓ Bán buôn vật liệu thiết bị lắp đặt trong xây dựng
- ✓ Vận tải hành khách bằng taxi
- ✓ Vận tải hành khách bằng xe khách nội liên tỉnh
- ✓ Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- ✓ Tư vấn đầu tư xây dựng
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- ✓ Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- ✓ Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- ✓ Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- ✓ Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu:
 - Dịch vụ khai thuê hải quan
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa

➤ ***Những thuận lợi và khó khăn mà công ty đã đạt được***

Thuận lợi : Nền kinh tế ngày càng phát triển, nhu cầu của con người càng được nâng cao. Lĩnh vực xây dựng cũng ngày càng được mở rộng. Đó chính là 1 lợi thế cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhà nước cũng đưa ra những điều luật mới tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xây dựng. Đồng thời sự linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp công ty từng bước hòa nhịp với nhịp điệu phát triển kinh tế chung của đất nước. Trong thi công đã mạnh dạn áp dụng nhiều máy móc, thiết bị hiện đại để nâng cao chất lượng công trình. Việc làm của công nhân viên được quan tâm đúng mức đã mang lại cho nhân viên niềm tin, sự hứng thú trong công việc giúp công ty hoạt động ổn định. Đội ngũ kế toán với chuyên môn cao, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc. Kết hợp với sự dẫn dắt của các giám đốc công ty đó chính là những thuận lợi lớn nhất của công ty.

Khó khăn : Bên cạnh đó, Công ty cũng gặp không ít những khó khăn và thử thách. Thị trường thế giới luôn biến động, Doanh nghiệp mới được thành lập nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong thương trường. Việt Nam là một thành viên trong tổ chức thương mại thế giới cũng là thách thức đối với doanh nghiệp.

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Thông thường công tác xây dựng cơ bản do các đơn vị xây lắp nhận thầu tiến hành. Ngành sản xuất này có đặc điểm như sau:

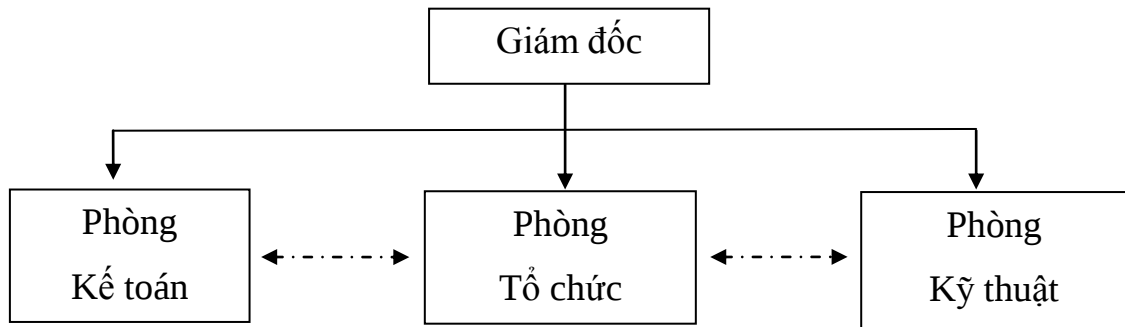
- Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu mang tính chất đơn chiếc, thời gian sản xuất dài
- Sản phẩm xây lắp được tính theo giá dự toán hoặc giá thỏa thuận với nhà đầu tư từ trước do đó mang tính chất hàng hóa của sản phẩm thể hiện không rõ
- Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn các điều kiện sản xuất phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở nước ta phổ biến theo phương thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối lượng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp trong giá khoán gọn.

2.1.3 Hệ thống tổ chức quản lý của công ty

Bộ máy quản lý công ty được sắp xếp theo mô hình trực tuyến – chức năng của mỗi bộ phận, mỗi người trong cơ cấu đều phải dưới sự lãnh đạo của giám đốc. Giám đốc thực hiện chức năng quản lý đảm bảo được chế độ một thủ trưởng, tập trung quyền lực điều hành công việc theo phương thức tổng hòa. Dưới giám đốc là các bộ phận và thực hiện lệnh như phó giám đốc, những người phụ trách từ bộ phận điều hành cấp dưới của mình, các phòng ban.

Sơ đồ 08 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP



Ghi chú :

- Quan hệ lãnh đạo trực tiếp
- ←-.-.-> Quan hệ ngang hàng và quan hệ phối hợp thực hiện

Vai trò nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận trong quản lý công ty

- ✓ Giám đốc : Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và thay mặt cho công ty sử dụng vốn cho sản xuất kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Giám đốc đứng ra ký kết các hợp đồng công trình và duyệt các chứng từ vay vốn, chứng từ thanh toán.
Các phòng nghiệp vụ giúp việc cho ban giám đốc công ty
- ✓ Phòng kỹ thuật :
 - Căn cứ những kế hoạch thực hiện năm trước, phương hướng phát triển của ngành, của nhà nước và hợp đồng xây dựng giữa công ty với các chủ đầu tư để lập kế hoạch lên Sở xây dựng phê duyệt.
 - Tổng hợp việc thực hiện chỉ tiêu giá trị tổng sản lượng để báo cáo với lãnh đạo công ty và các cơ quan có liên quan.
 - Dựa thảo vào các hợp đồng kinh tế nhằm tham mưu giúp việc cho giám đốc trong việc ký kết các hợp đồng xây dựng.
 - Đề ra các biện pháp an toàn lao động và kiểm tra công tác an toàn cho người lao động tại các công trình xây dựng của công ty.
- ✓ Phòng tổ chức hành chính:
Dựa vào kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý, hàng năm để lập kế hoạch sử dụng lao động trong toàn công ty. Tuyển dụng lao động và điều phối

lao động trong các đơn vị sơ sở. Lập kế hoạch quỹ tiền lương và các khoản trích theo tỷ lệ quy định đồng thời theo dõi quá trình thực hiện chính sách hưu trí, tai nạn lao động...đối với cán bộ công nhân viên công ty. củng cố quan hệ nghiệp vụ với các bộ phận sản xuất trên cơ sở các mối quan hệ nghiệp vụ giữa các phòng ban mà công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình.

✓ Phòng tài chính kế toán :

Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả. Chỉ đạo công tác kế toán toàn doanh nghiệp, xác định tài sản vật tư và kết quả kinh doanh. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty từ đó cùng với các phòng ban chức năng xác định bước tăng trưởng và phát triển của công ty theo từng tháng, quý, thanh quyết toán các khoản tiền lương. BHXH cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Lưu trữ hồ sơ, các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty. Tính toán và trích đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách nhà nước, nộp cấp trên và các quỹ để lại.

2.1.4. Tổ chức kế toán tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

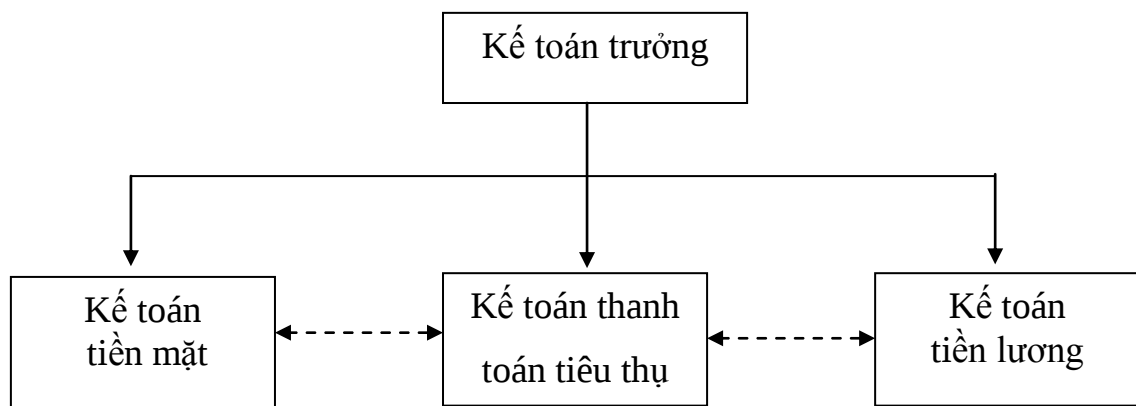
2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán của công ty, bởi công tác kế toán phụ thuộc trực tiếp vào trình độ, khả năng thành thạo, đạo đức nghề nghiệp và sự phân công, phân nhiệm hợp lý của các nhân viên trong bộ máy kế toán. Mô hình bộ máy kế toán của công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP theo hình thức kế toán tập trung và bao gồm 4 kế toán

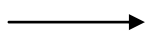
- Kế toán trưởng : Tổ chức và điều hành công tác tài chính, lập kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch vay vốn, kế hoạch tiền mặt. Đôn đốc, giám sát kiểm tra xử lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tổ chức hoạch toán kế toán, tập hợp các thông tin chính của công ty thành các báo cáo có ý nghĩa. Giúp cho việc xử lý và ra quyết định của giám đốc.

- Kế toán tiền mặt (Thủ quỹ) : làm nhiệm vụ giữ tiền và thu chi của giám đốc và kế toán trưởng, phát tiền lương cho công nhân, giữ gìn và bảo quản các chứng từ thu chi hàng ngày, đối chiếu số tiền hiện có và số tiền trong sổ sách.
- Kế toán thanh toán tiêu thụ: Theo dõi doanh thu của từng công trình phân tích giá thành dự toán, làm nhật ký bảng phân bổ,...
- Kế toán thanh toán tiền lương : làm nhiệm vụ hạch toán các khoản phải trả cho công nhân viên, phân bổ tiền lương cho từng công nhân viên.

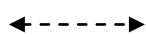
Sơ đồ 09: Bộ máy kế toán của công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP



Ghi chú



Quan hệ lãnh đạo trực tiếp



Quan hệ ngang hàng và quan hệ phối hợp thực hiện

Niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N

2.1.4.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

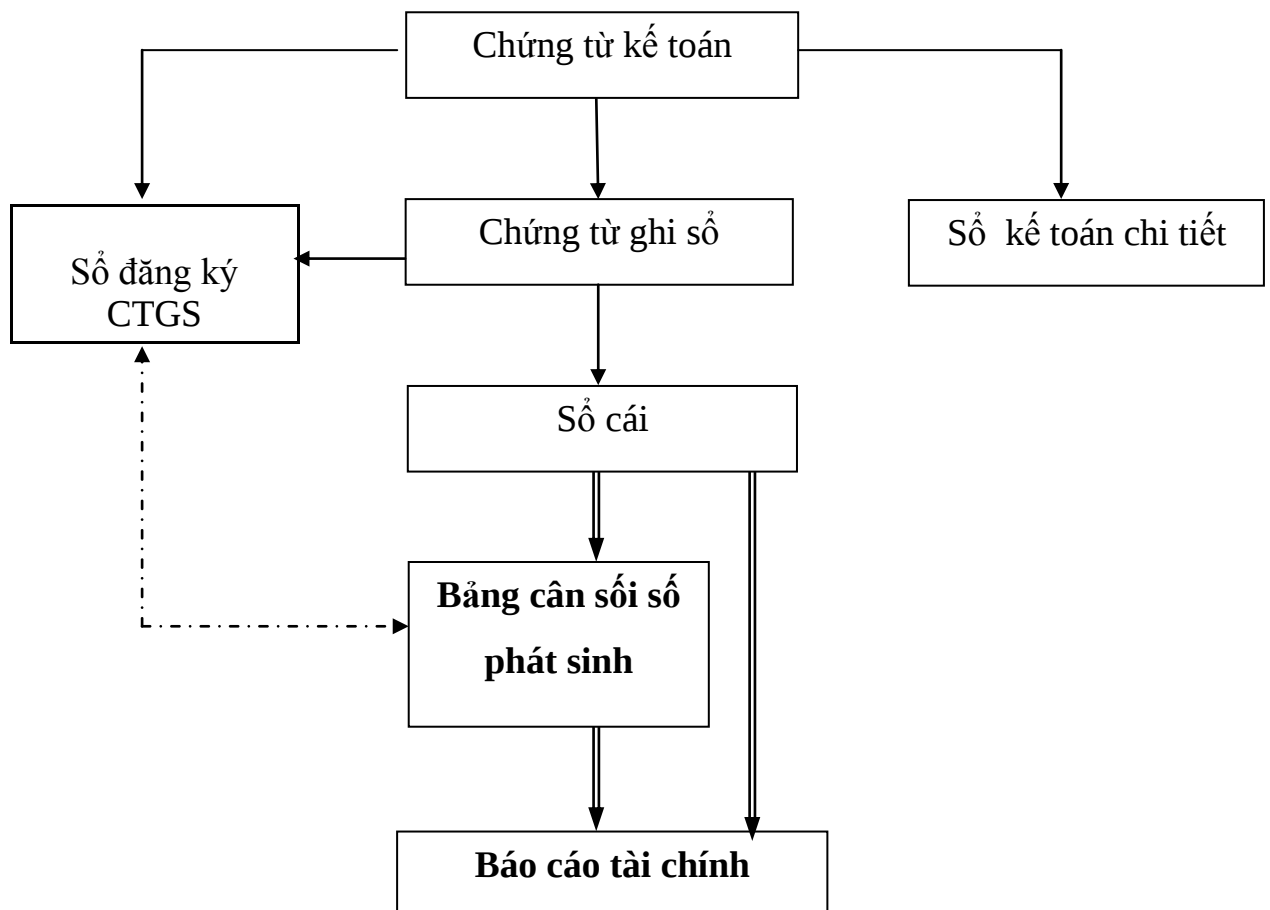
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

2.1.4.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

2.1.4.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Căn cứ vào hệ thống tài khoản và các chế độ kế toán của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ”



Sơ đồ 10 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

Ghi chú :

- > Nhập số liệu hàng ngày, in chứng từ hàng ngày.
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm.
- ←---> Đối chiếu, kiểm tra.

2.1.4.5 Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại công ty bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 Thực tế công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

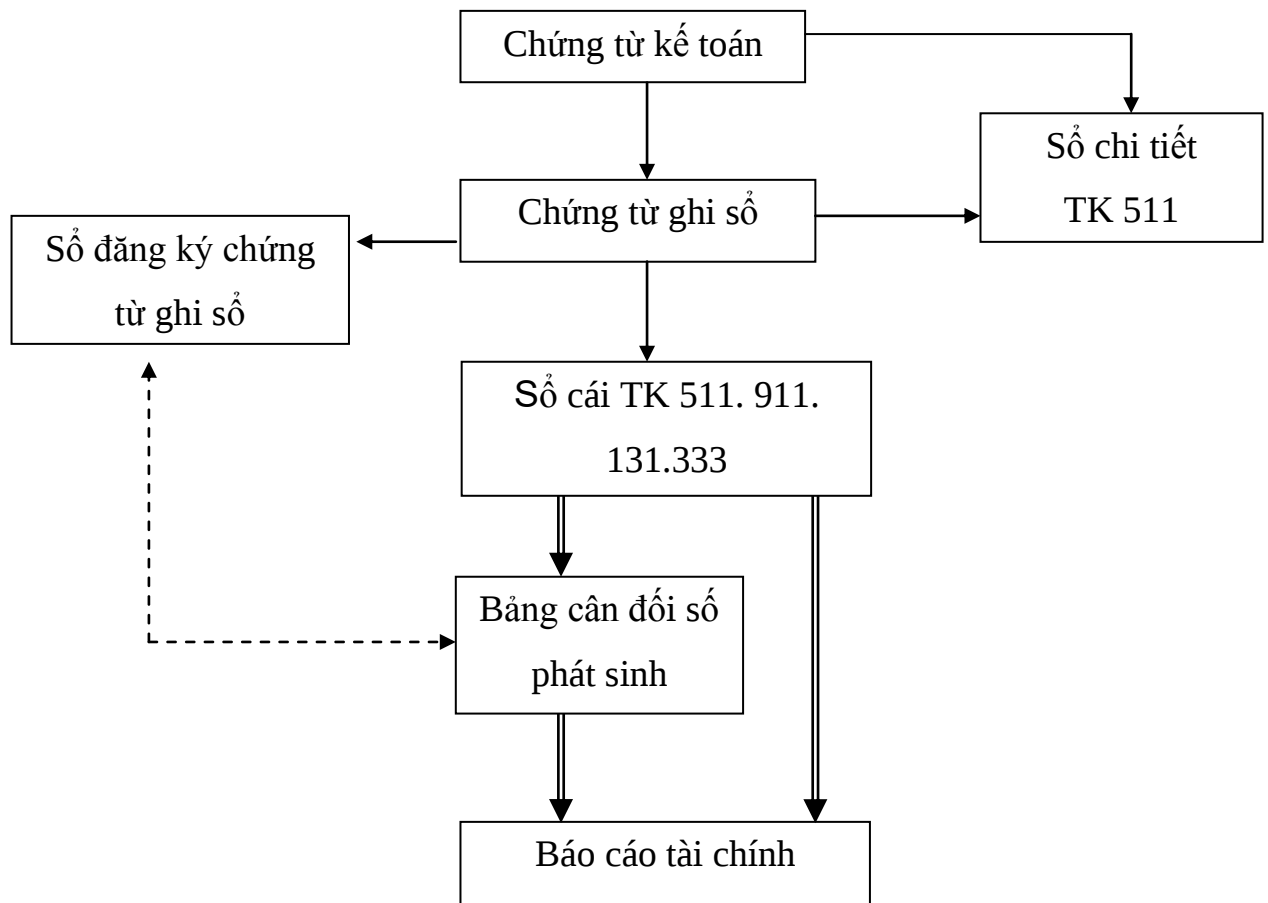
Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế, thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chủ yếu từ thi công các công trình, hạng mục công trình.

2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng....

2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 : “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”



Sơ đồ 11 : Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP là công ty chuyên sửa chữa, tu bổ, xây dựng các công trình đề điều, khi nhận được các hợp đồng của bên nhà thầu, công ty tiến hành xây dựng lắp đặt theo điều kiện hợp đồng về thời gian thực hiện, chất lượng công trình quy mô công trình. Sau khi hoàn thành công trình theo đúng quy định công ty tiến hành bàn giao công trình cho nhà thầu. Khi bên

nhà thầu chấp nhận công trình, kế toán viết hóa đơn GTGT, thu tiền, ghi nhận doanh thu.

Do sản phẩm của công ty là các công trình xây dựng được hoàn thành trong thời gian dài, nên doanh thu của doanh nghiệp trong sáu tháng đầu năm không có.

Ví dụ 01

Ngày 28/12 Công ty bàn giao công trình Cải tạo kênh cấp I Quán Mả, Huyện An Lão cho Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Đa Độ, hóa đơn GTGT số 0076853 (*Biểu số 01*), từ hóa đơn GTGT kế toán ghi phiếu kế toán (*Biểu số 03*) từ phiếu kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 511 (*Biểu số 06*), chứng từ ghi sổ 09(*Biểu số 05*) .Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 07*), sổ cái tài khoản 511 (*Biểu số 08*)

Ví dụ 2

Ngày 30/12/2009 Công ty bàn giao công trình Củng cố , bảo vệ và nâng cấp tuyến Đê Biển I đoạn K11 + 740 – K11 + 920, hóa đơn GTGT số 0076854 (*Biểu số 02*), từ hóa đơn GTGT kế toán viết ghi phiếu kế toán (*Biểu số 04*), từ phiếu kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 511 (*Biểu số 06*), chứng từ ghi sổ (*Biểu số 05*) Từ chứng từ ghi sổ kế toán lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 07*), sổ cái tài khoản 511 (*Biểu số 08*).

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

LK/2009B

0076853

Đơn vị bán hàng:.....Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP.....

Địa chỉ:.....Số 1133 Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng.....

Số Tài khoản:

Điện thoại:

.....MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:..... Công ty TNHH Một thành viên khai thác CT Thủy Lợi Đa

Độ.....

Địa chỉ:.... Km57, Quốc Lộ 10-Trường Sơn-An Lão-Hải Phòng.....

Số Tài khoản:

Hình thức thanh toán:.....MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cải tạo kênh cấp 1 Quán Mả, Huyện An Lão				476.190.476
Cộng tiền hàng:					476.190.476
Thuế suất thuế GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT			23.809.524
Tổng tiền thanh toán					500.000.000

Số tiền viết bằng chữ:.....Năm trăm triệu đồng chẵn.....

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 01

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 30 tháng 12 năm 2009

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

LK/2009B

0076854

Đơn vị bán hàng:.....Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Địa chỉ:.....Số 1133, Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng

Số Tài khoản:

Điện thoại:

.....MS:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị:..... Công ty CP Bê tông và phát triển Hạ tầng Hải Phòng

.....

Địa chỉ:.... Lô G62A-B,Khu biệt thự Mê Linh. P.Anh Dũng, Kiến Thụy, HP

Số Tài khoản:

Hình thức thanh toán:.....MS:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Củng cố ,bảo vệ và nâng cấp tuyến Đê Biển I đoạn k11+740 -K11+920				1.225.594.545
Cộng tiền hàng:					1.225.594.545
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT			122.559.455
Tổng tiền thanh toán					1.348.154.000

Số tiền viết bằng chữ:....Một tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, một trăm năm mươi bốn ngàn đồng chẵn.....

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 02

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 28 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số :01/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
131	Doanh thu bán hàng	500 000 000	
33311	Doanh thu bán hàng		23 809 524
5111	Doanh thu bán hàng		476 190 476
	Tổng cộng	500 000 000	500 000 000

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Biểu số 03

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số 02/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
131	Doanh thu bán hàng	1 348 154 000	
33311	Doanh thu bán hàng		122 559 455
5111	Doanh thu bán hàng		1 225 594 545
	Tổng cộng	1 348 154 000	1 348 154 000

Kèm theo : 01 chứng từ gốc

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Biểu số 04

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán hàng	131	511	476 190 476	
Doanh thu bán hàng	131	511	1 225 594 545	
Tổng cộng			1 701 785 021	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 05

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
10/07	HĐ0076851	Quyết toán CT Đê Tả Thái Bình	131		436 090 909
06/10	HĐ0076852	Quyết toán CT Đê Tả Lạch Tray	131		544 784 076
28/12	HĐ0076853	Quyết toán CT Kênh cấp I ,Quán Mả, An Lão	131		476 190 476
30/12	HĐ0076854	Quyết toán CT Đê Biền I	131		1 225 594 545
31/12	PKT 23/12	Kết chuyển doanh thu xác định KQKD	911	2 682 660 006	
		Cộng phát sinh		2 682 660 006	2 682 660 006

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 06

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
....			
09/12	31/12	Doanh thu bán hàng	1 701 785 021
....			
Tổng cộng			38 528 904 619

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu số 07

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông, Kiến An, HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

NT Ghi số	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
10/07	10/07	31/07	Quyết toán CT Đê Tả TBình	131		436 090 909
06/10	09/10	31/10	Quyết toán CT Đê tả LTray	131		544 784 076
28/12	09/12	31/12	Quyết toán CT Kênh Quán Mả	131		476 190 476
30/12	09/12	31/12	Quyết toán CT Đê Biển I	131		1 225 594 545
31/12	PKT23/12	31/12	K/C doanh thu,XĐ KQKD	911	2 682 660 006	
			Cộng phát sinh		2 682 660 006	2 682 660 006

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 08

2.2.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan

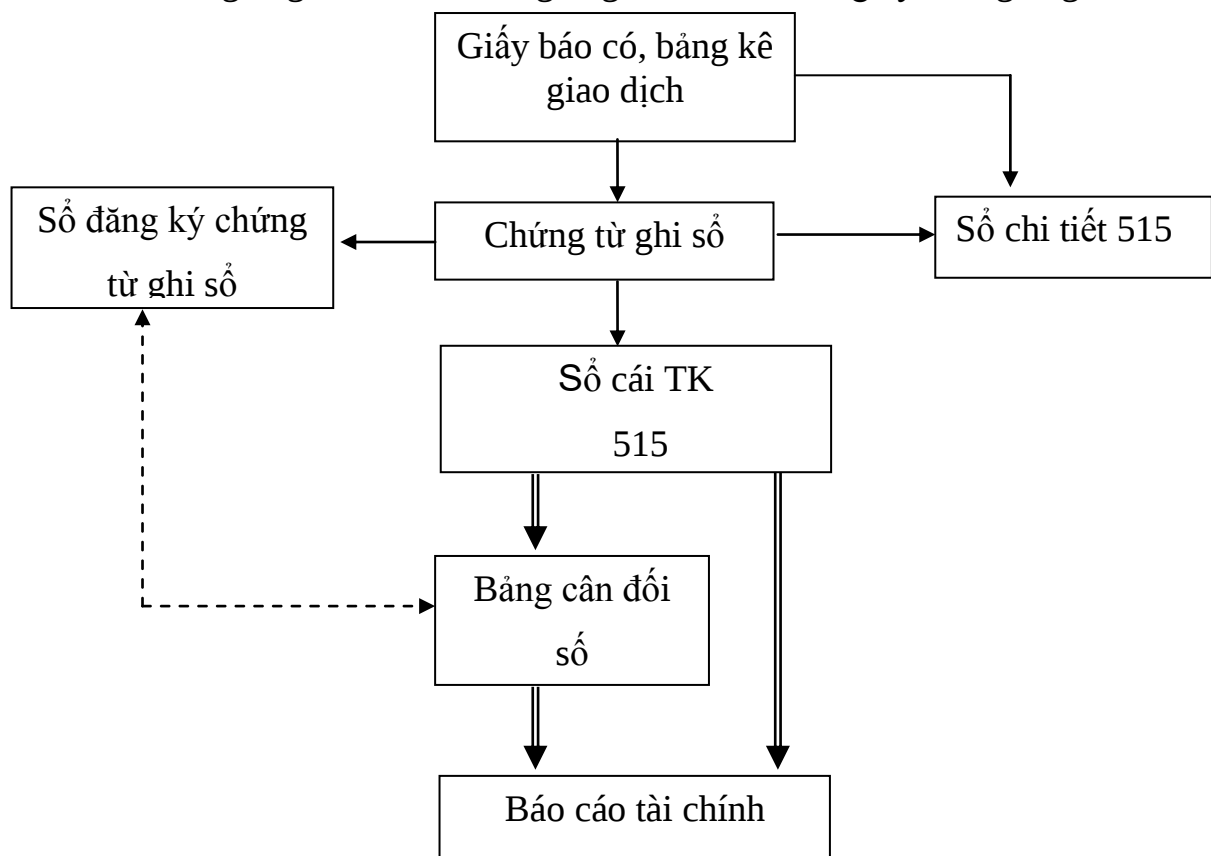
2.2.2.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

2.2.2.3 Trình tự hạch toán

Khi nhận được giấy báo có hoặc bảng kê giao dịch của ngân hàng, kế toán tiền hành vào chứng từ ghi sổ và từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 12: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 03

Ngày 25/12 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng Á Châu chi nhánh HP (*Biểu số 09*). Kế toán căn cứ vào giấy báo có để vào sổ chi tiết tài khoản 515 (*Biểu số 10*) và chứng từ ghi sổ (*Biểu số 11*). Từ chứng từ ghi sổ lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 12*) và sổ cái tài khoản 515 (*Biểu số 13*)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: BATCH
Mã KH:69656

GIẤY BẢO CỐ

Số: 277562

Ngày: 25/12/2009

Kính gửi: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 40373849

Số tiền bằng số: 146 626

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi sáu VNĐ.

Nội dung: Lãi suất tiền gửi nhập gốc tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 09

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
					
31/12	GBC	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	112		146 626
					
31/12	PKT24/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911		1 452 686
		Cộng phát sinh		1 452 686	1 452 686

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 10

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 11/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Lãi tiền gửi ngân hàng	11211	5154	146 626	
Lãi tiền gửi ngân hàng	11212	5154	87 000	
Tổng cộng			233 626	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 11

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
....			
11/12	31/12	Lãi tiền gửi NH	233 626
....			
Tổng cộng			38 528 904 619

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu số 12

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
						
25/12	11/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	11211	146 626	
				11212	870 000	
						
31/12	PKT 24/12	31/11	Kết chuyển doanh thu H ĐTC	911		233 626
			Cộng phát sinh		1 452 686	1 452 686

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 13

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng xuất bán tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Giá vốn dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ

2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 : Giá vốn hàng bán

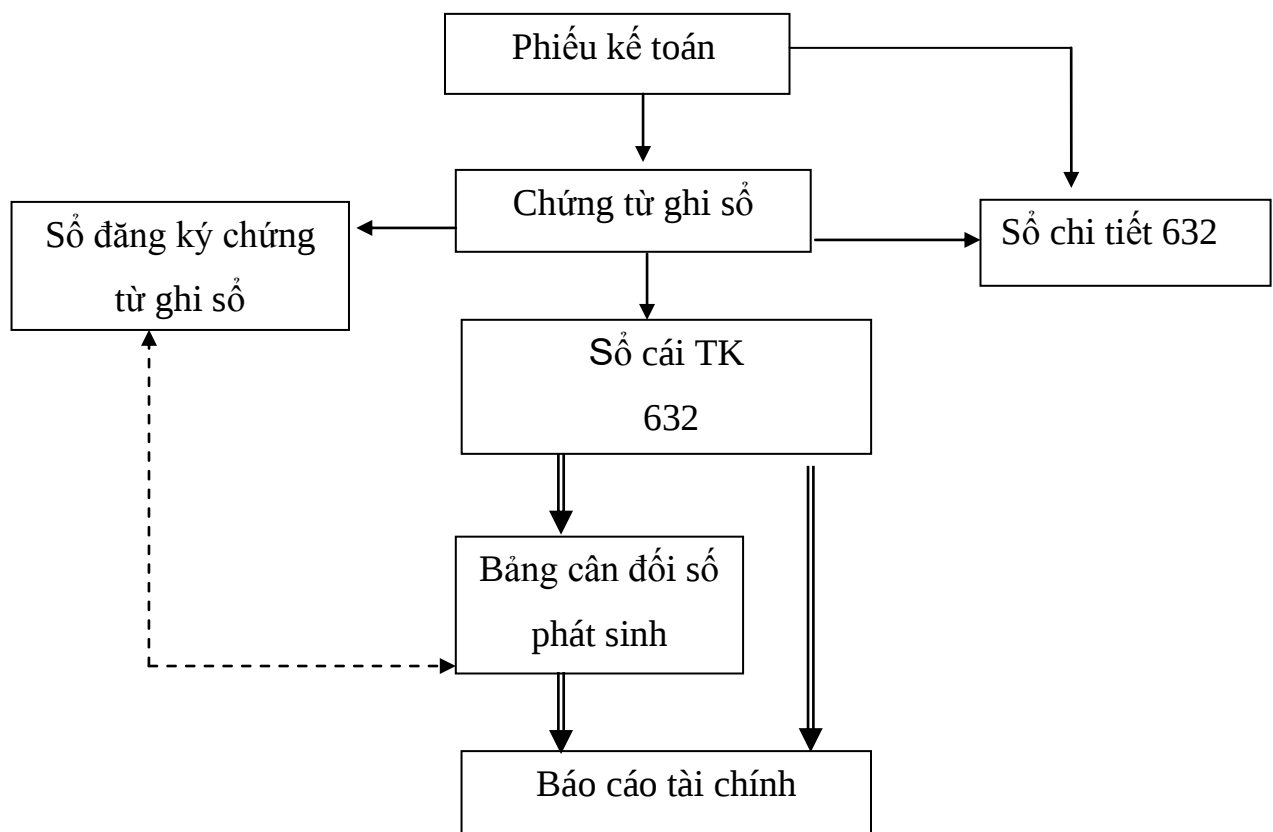
2.2.3.3 Trình tự hạch toán

Khi công trình hoàn thành giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình :

Nợ TK 632

Có TK 154

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành



**Sơ đồ 13 : Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty
cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 04

Từ ví dụ 1 kế toán ghi nhận doanh thu công trình cải tạo Kênh Cấp I, Quán Mả, Huyện An Lão, đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình. Kế toán ghi phiếu kế toán (Biểu số 14), từ phiếu kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 632 (Biểu số 15), chứng từ ghi sổ (Biểu số 16) và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 17). Sau đó kế toán vào sổ cái tài khoản 632 (Biểu số 18)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
632	Kết chuyển giá vốn CT Kênh Quán Mả	423 100 000	
154	Kết chuyển giá vốn CT Kênh Quán Mả		423 100 000
	Tổng cộng	423 100 000	423 100 000

Kèm theo : chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 14

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
31/07	15/07	Xác định giá vốn CT Đê Tả Thái Bình	154	420 050 000	
31/10	21/10	Xác định giá vốn CT Đê Tả Lạch Tray	154	468 941 138	
31/12	08/12	Xác định giá vốn CT Đê Biền I	154	1 200 781 018	
31/12	08/12	Xác định giá vốn CT Quán Mả	154	423 100 000	
31/12	PKT 25/12	Kết chuyển giá vốn	911		2 512 872 156
		Cộng phát sinh		2 512 872 156	2 512 872 156

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 15

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An- HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xác định giá vốn CT Quán Mả	632	154	423 100 000	
Xác định giá vốn CT Đê Biển I	632	154	1 200 781 018	
Tổng cộng			1 623 881 018	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 16

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....			
08/12	31/12	Giá vốn hàng bán	423 100 000
...			
Tổng cộng			38 528 904 619

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu số 17

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
10/07	15/07	31/07	Xác định giá vốn CT Đê Tả TBình	154	420 050 000	
06/10	21/10	31/10	Xác định giá vốn CT Đê tả LTray	154	468 941 138	
28/12	08/12	31/12	Xác định giá vốn CT Kênh Quán Mả	154	1 200 781 018	
30/12	08/12	31/12	Xác định giá vốn CT Đê Biễn I	154	423 100 000	
31/12	PKT 25/12	31/12	K/C giá vốn	911		2 512 872 156
			Cộng phát sinh		2 512 872 156	2 512 872 156

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 18

2.2.4 Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Sổ phụ và giấy báo nợ của ngân hàng..

2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

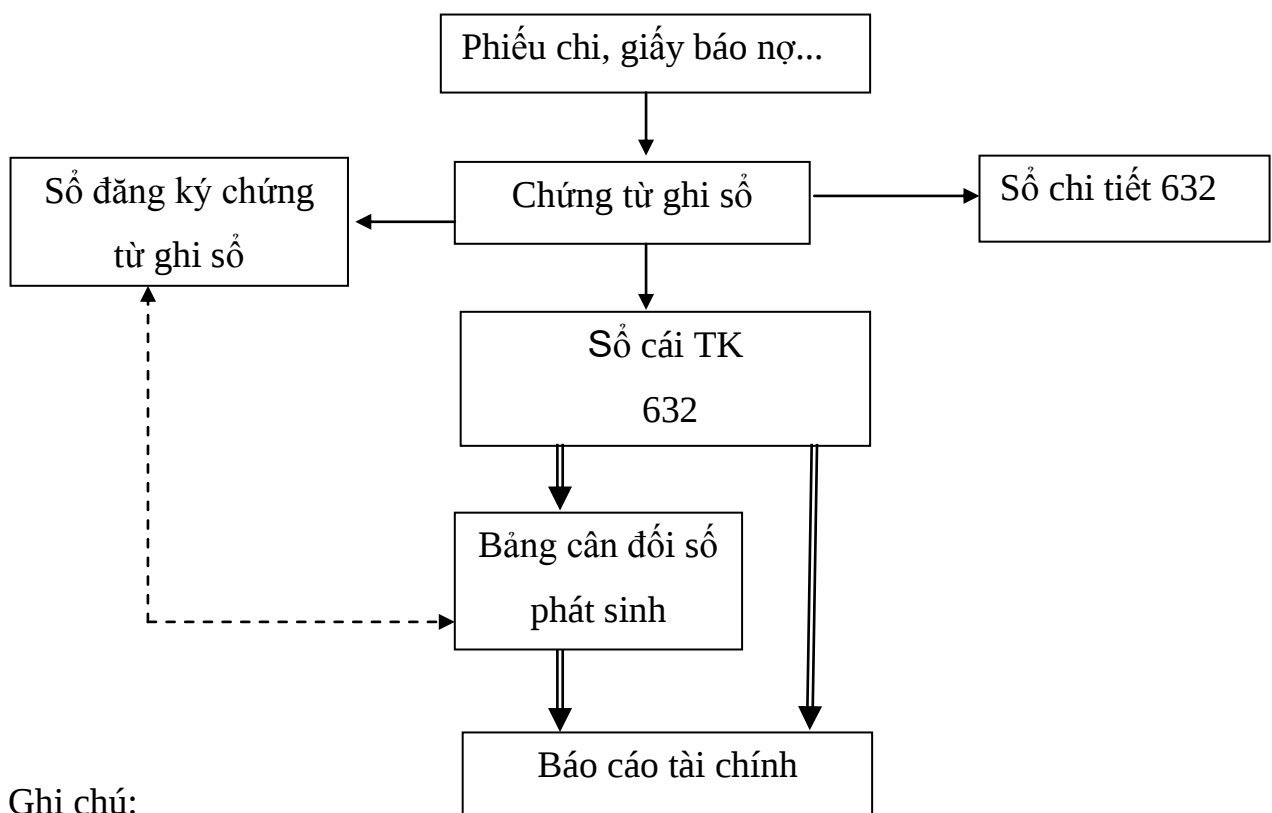
Tài khoản 642 – Chi Phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp

Chi phí này bao gồm : Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

2.2.4.3 Trình tự hạch toán

Sơ đồ 14 : Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - → Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ 05

Ngày 22/12 và ngày 31/12 phát sinh nghiệp vụ chuyển tiền tại Ngân Hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long. Phí chuyển khoản là 27 500

Căn cứ vào phiếu chuyển khoản ngày 22/12 (*Biểu số 19*) và ngày 31/12(*Biểu số 20*) của Ngân Hàng Phát Triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long kế toán vào sổ chi tiết tài khoản 642 (*Biểu số 21*) và chứng từ ghi sổ (*Biểu số 22*). Từ chứng từ ghi sổ lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (*Biểu số 23*). Sau đó lập sổ cái tài khoản 642 (*Biểu số 24*) ,

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NGAN HANG PHAT TRIEN NHA DBSCL

STT Giao Dich : 52 L.N.V

CHI NHANH HAI PHONG

So Chung Tu : 20029 K.H.T.K

Ma so thue NH : 0301502740-033

Ma so thue KH : 0200784880

PHIEU CHUYEN KHOAN

Ngày : 22/12/2009

NC	So Tai Khoan	So Tien	Ten Tai Khoan
No	421111.00.000880	5.500,00	TG KKH CTCP DTXD ATP
Co	711011.00.000001 453111.00.000001	5.000,00 500,00	THU TU D.VU TT TRONG NUOC THUE GTGT PHAI NOP

So Tien Bang Chu : *[+]* Nam ngan nam tram Dong chan *t*

Noi dung : PHI CT DI VIETINBANK HP TRC 11H(23.038.300)-50%ST
T/THIEU THUE VAT #

Lap Phieu

Kiem Soat

TP.Ke Toan -

Ngan Quy

Giam Doc

Biểu số 19

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NGAN HANG PHAT TRIEN NHA DBSCL
CHI NHANH HAI PHONG

STT Giao Dich : 92 L.N.V
So Chung Tu : 20051 K.H.T.K

Ma so thue NH : 0301502740-033

Ma so thue KH : 0200784880

PHIEU CHUYEN KHOAN

Ngày : 31/12/2009

NC	So Tai Khoan	So Tien	Ten Tai Khoan
No	421111.00.000880	22.000,00	TG KKH CTCP DTXD ATP
Co	711011.00.000001 453111.00.000001	20.000,00 2.000,00	THU TU D.VU TT TRONG NUOC THUE GTGT PHAI NOP

So Tien Bang Chu : *[+]* Hai mươi hai ngàn Đồng chẵn *t*

Nội dung : PHI TRA SOAT DJ VIETINBANK DO SON,HP

THUE VAT #

Lap Phieu

Kiem Soat

TP.Ke Toan-Ngan Quy

Giam Doc

Biểu số 20

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2009

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Phát sinh	
Ngày	Số			PS Nợ	PS Có
					
31/12	09/12	Phí chuyển khoản	11212	5 500	
31/12	09/12	Phí chuyển khoản	11212	22 000	
					
31/12	PKT 26/12	Kết chuyển chi phí Quản lý kinh doanh	911		148 363 651
		Cộng phát sinh		148 363 651	148 363 651

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 21

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 12/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phí chuyển khoản	6425	11212	5 500	
Phí chuyển khoản	6425	11212	22 000	
Tổng cộng			27 500	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 22

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....			
09/12	31/12	Phí chuyển khoản	27 500
.....			
Tổng cộng			38 528 904 619

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 23

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
						
25/12	09/12	31/12	Phí chuyển khoản	11212	5 500	
31/12	09/12	31/12	Phí chuyển khoản	11212	22 000	
						
31/12	PKT26/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLND	911		148 363 651
			Cộng phát sinh		148 363 651	148 363 651

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 24

2.2.5 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP.

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty, kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Vì vậy ngoài chỉ tiêu ngoài doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán còn tập hợp cả khoản chi phí

Kế toán sử dụng tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh. Phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, 515, 711, 632, 635, 642, 811. Số dư cuối quý cuối năm của các Tk 511, 515, 711 được chuyển vào bên có của TK 911. Còn số dư cuối quý cuối năm của các TK còn lại được chuyển vào bên nợ của TK 911
- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:
 - + Nếu số tiền dư Nợ Tk 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lỗ và số tiền được chuyển sang bên Nợ TK 421
 - + Nếu số tiền dư Có TK 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lãi và số tiền được chuyển sang bên có TK 421

Kế toán hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào TK 821

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times 25\%$$

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng} \\ \text{và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \\ \text{doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng} \\ \text{và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận từ hoạt} \\ \text{động kinh doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về} \\ \text{bán hàng và cung} \\ \text{cấp dịch vụ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh} \\ \text{thu tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí quản} \\ \text{lý doanh} \\ \text{nghiệp} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng lợi nhuận kế} & = & \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt} \\ \text{toán trước thuế} & & \text{động kinh doanh} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Lợi nhuận sau thuế} & = & \text{Tổng lợi} & - & \text{Chi phí thuế} & + & \text{Lãi tiền} \\ \text{thu nhập doanh} & & \text{nhuận kế toán} & & \text{thu nhập} & & \text{gửi ngân} \\ \text{nghiệp} & & \text{trước thuế} & & \text{doanh nghiệp} & & \text{hàng} \end{array}$$

Ví dụ 06

Căn cứ vào PKT số 23/12 (Biểu số 25), PKT số 24/12 (Biểu số 26), PKT số 25/12 (Biểu số 257), PKT 26/12 (Biểu số 28), PKT 27/12 (Biểu số 29), PKT 28/12 (Biểu số 30), PKT 29/12 (Biểu số 31) Kế toán tiền hàng vào chứng từ ghi sổ số 17/12 (Biểu số 32), chứng từ ghi sổ số 18/12 (Biểu số 33) và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 34). Sau đó kế toán ghi sổ cái tài khoản 911 (Biểu số 35), Sổ cái tài khoản 421 (Biểu số 36), sổ cái tài khoản 821 (Biểu số 37)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số 23/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
511	Kết chuyển doanh thu BH & CCDV	2 682 660 006	
911	Kết chuyển doanh thu BH & CCDV		2 682 660 006
	Tổng cộng	2 682 660 006	2 682 660 006

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 25

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Sô 24/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
515	Kết chuyển doanh thu HĐTC	1 452 686	
911	Kết chuyển doanh thu HĐTC		1 452 686
	Tổng cộng	1 452 686	1 452 686

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 26

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số :25/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
911	Kết chuyển giá vốn hàng bán	2 512 872 156	
632	Kết chuyển giá vốn hàng bán		2 512 872 156
	Tổng cộng	2 512 872 156	2 512 872 156

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Biểu số 27

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số 26/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
911	Kết chuyển chi phí kinh doanh	148 363 651	
642	Kết chuyển chi phí kinh doanh		148 363 651
	Tổng cộng	148 363 651	148 363 651

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 28

Sinh viên: Đinh Hoàng Yến_QT1004K

75

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số 27/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
821	Xác định thuế TNDN phải nộp	5 719 221	
3334	Xác định thuế TNDN phải nộp		5 719 221
	Tổng cộng	5 719 221	5 719 221

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 29

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số 28/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
911	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	5 719 221	
821	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp		5 719 221
	Tổng cộng	5 719 221	5 719 221

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 30

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Họ và tên :

Số :29/12

Địa chỉ : Công ty CP Đầu tư Xây dựng ATP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau :

Tài khoản	Nội dung	PS Nợ	PS có
911	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	17 157 664	
421	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế		17 157 664
	Tổng cộng	17 157 664	17 157 664

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc

(Ký,họ tên,đóng dấu)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Biểu số 31

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 17/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c giá vốn hàng bán	911	632	2 512 872 156	
K/c chi phí kinh doanh	911	642	148 363 651	
K/c chi phí thuế TNDN	911	821	5 719 221	
K/c lợi nhuận sau thuế	911	421	17 157 664	
Tổng cộng			2 684 112 692	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

NGƯỜI LẬP PHIẾU

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 32

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 18/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Trích yếu	Tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
K/c doanh thu bán hàng	511	911	2 682 660 006	
K/c doanh thu H ĐTC	515	911	1 452 686	
Tổng cộng			2 684 112 692	

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 33

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

NG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		
.....			
17/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	2 684 112 692
18/12	31/12	Kết chuyển chi phí	2 684 112 692
.....			
Tổng cộng			38 528 904 619

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu số 34

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT 23/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		2 682 660 006
31/12	PKT24/12	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		1 452 686
31/12	PKT25/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	2 512 872 156	
31/12	PKT26/12	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	642	148 363 651	
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	5 719 221	
31/12	PKT29/12	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	17 157 664	
			Cộng phát sinh		2 684 112 692	2 684 112 692

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 35

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 821 – Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
31/12	PKT 27/12	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	5 719 221	
31/12	PKT28/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911		5 719 221
			Cộng phát sinh		5 719 221	5 719 221

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 36

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông - Kiến An - HP

Mẫu số:04-TT

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

NT Ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-
31/12	PKT29/12	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911		17 157 664
			Cộng phát sinh			17 157 664
			Số dư cuối kỳ			17 157 664

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 37

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Người nộp thuế : Công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

Mã số thuế : 0200784880

Địa chỉ trụ sở : Số 1133, Trần Nhân Tông, Kiến An, Hải Phòng

Quận Huyện : Kiến An

Tỉnh/Thành phố : Hải Phòng

Điện thoại

Fax:

Email:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.682.600.006	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.682.600.006	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	2.512.872.156	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		169.787.850	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.452.686	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		148.363.651	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 (21-22) – (24+25)]	30		22.876.855	
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 +40)	50		22.876.855	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5.719.221	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60		17.157.664	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

3.1.1 Ưu điểm

❖ Về đội ngũ kế toán trong công ty

Đội ngũ cán bộ kế toán của công ty đa số là những người năng động, nhiệt tình, nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình đưa ra trao đổi bàn bạc để từ đó không ngừng hoàn thiện công tác kế toán của công ty.

❖ Về hình thức tổ chức bộ máy tổ chức kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức quy củ, có kế hoạch, sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

❖ Về hình thức kế toán sử dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. Hình thức này đơn giản. Phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hình thức này đã bộc lộ rõ những ưu điểm của mình trong công tác kế toán giúp nâng cao năng suất lao động kế toán, cùng với các sổ kế toán chi tiết, việc hạch toán đảm bảo cho công tác kiểm tra kế toán thực hiện dễ dàng hơn. Hầu hết các sổ kế toán

chi tiết, sổ cái ở đơn vị đều được xây dựng theo kết cấu đơn giản dễ ghi chép và phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu cần thiết lẫn nội dung kinh tế chủ yếu của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tạo điều kiện cho ban lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để chỉ đạo sản xuất.

❖ Về chứng từ tài khoản sử dụng:

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính mới ban hành kèm theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của bộ trưởng bộ tài chính. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện tương đối nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ chính xác với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại công ty cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành

❖ Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời kế toán đã biết gắn liền tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hạch toán nhanh chóng chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán.

3.1.2 Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm kế toán, công ty vẫn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân

tích làm sáng tỏ để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác hơn nữa những thông tin tài chính. Cụ thể:

❖ Về bộ máy kế toán:

Kế toán trưởng đồng thời là kế toán tổng hợp nên nhiệm vụ của kế toán trưởng tương đối nặng, cùng một lúc phải kiêm nhiều việc chưa hợp lý.

❖ Về sổ sách sử dụng

Đối với tài khoản phải thu khách hàng, kế toán chưa ghi sổ chi tiết phải thu khách hàng gây khó khăn cho việc theo dõi công nợ của từng đối tượng. Đồng thời kế toán cũng không lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng dẫn đến việc khó kiểm soát được số phải thu tăng trong kỳ và số khách hàng trả trong kỳ. Chưa thể hiện được cụ thể các lần phát sinh tăng nợ phải thu và số lần trả nợ của khách hàng

❖ Về quá trình luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban thường chậm trễ gây ứ đọng công việc làm khó khăn cho công tác kế toán

❖ Về tổ chức kế toán quản trị

Trong quá trình thực tập tại công ty, công tác kế toán quản trị chưa thực sự được chú trọng. Các kế toán viên mới chỉ dừng lại ở việc tính toán các chỉ tiêu, đánh giá khái quát tình hình tài chính và báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm hiện hành. Chưa tổ chức phân tích, nhận xét, đánh giá Báo cáo tài chính cũng như so sánh với năm trước để thấy rõ sự biến động tăng hoặc giảm của doanh thu, chi phí...

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP

3.2.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất

yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy, trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học để có thể biết được các thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như : Chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có được sự đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện.

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản quy phạm có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ

thống, chế độ kế toán, thể lệ tài chính trong doanh nghiệp phải hợp lý, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải dựa trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Một số biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP.

Kiến nghị 1

Hoàn thiện bộ máy kế toán

Kế toán trưởng kiêm quá nhiều việc nên cần giảm bớt gánh nặng cho kế toán trưởng bằng cách ban lãnh đạo nên tuyển thêm nhân viên kế toán giỏi nghiệp vụ để gánh vác một phần trách nhiệm với kế toán trưởng. Kế toán mới có thể đảm nhận vai trò của kế toán tổng hợp, kiểm tra đối chiếu số liệu, thực hiện bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán để Kế toán trưởng tập trung hơn vào chuyên môn, chịu trách nhiệm trước giám đốc của công ty, tổ chức điều hành kế toán viên.

Kiến nghị 2

Lập sổ chi tiết bán hàng

Công ty nên lập sổ chi tiết bán hàng (*Biểu số 36*) theo mẫu quy định của bộ tài chính.

Mục đích :Sổ này mở theo từng sản phẩm mà doanh nghiệp đã cung cấp được khách hàng trả ngay bằng tiền mặt hay chấp nhận thanh toán .

Ví dụ : Mở sổ chi tiết bán hàng cho công trình Đê Biển I (*Biểu số 37*)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :
Địa chỉ:

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa,dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531,532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số PS trong kỳ Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày ...tháng....năm....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 36

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP
Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông-Kiến An-HP

Mẫu số:04-TT
(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG
Tên sản phẩm : Công trình Đê Biển I
Năm:..2009
Quyển số :.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK Đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,531, 532)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
31/12	HĐ0076854	30/12	Quyết toán CT Đê Biển I	131	1	1 225 594 545	1 225 594 545		
			Cộng số PS trong kỳ				1 225 594 545		
			Doanh thu thuần				1 225 594 545		
			Giá vốn hàng bán				1 200 781 018		
			Lãi gộp				24 813 527		

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày ...tháng....năm....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 37

Kiến nghị 4 :

Mẫu sổ đăng ký chứng từ ghi sổ của công ty chưa chính xác với quy định của Bộ tài chính quy định. Vì thế công ty nên xem xét và hoàn thiện lại sổ đăng ký chứng từ ghi sổ cho đúng với quy định của Bộ tài chính (*Biểu số 38*)

Ví dụ : Lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tháng 12/2009 (*Biểu số 39*)

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu)

Biểu số 38

**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng ATP**

Đơn vị :CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ATP

Mẫu số:04-TT

Địa chỉ: Số 1133 Trần Nhân Tông-Kiến An-HP

(Ban hành theo QĐ số:48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Tháng 12 năm 2009

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
.....		
07/12	31/12	14 920 000
08/12	31/12	1 623 881 018
09/12	31/12	1 701 785 021
10/12	31/12	15 658 000
11/12	31/12	233 626
12/12	31/12	27 500
.....		
Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này cótrang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Kèm theo :.....chứng từ gốc

Ngày.31tháng 12 năm 2009.

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký,họ tên, đóng dấu

Biểu số 39

Kiến nghị 5

Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ

Chứng từ chậm trễ gây ra nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành sản phẩm hoàn thành, gây dồn ứ công việc sang tháng sau, làm ảnh hưởng không tốt đến công tác kế toán khiến các nhân viên kế toán vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban, kho....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính kinh tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế đặc biệt trong điều kiện sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy kế toán phát huy được vai trò này thì việc công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kinh doanh là một tất yếu.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng ATP, được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, các chị trong phòng kế toán cùng với sự hướng dẫn tận tình của giảng viên hướng dẫn là thầy giáo, tiến sĩ Lê Văn Liên, Em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp. Tuy vậy những kiến nghị của em đưa ra chỉ là sự so sánh đối chiếu giữa thực tế công ty và những kiến thức em đã học. Vì thế còn nhiều sai sót và chưa hoàn thành đúng đắn.

Do kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến quý báu của các thầy cô giáo

Em xin chân thành cảm ơn !